**BẢNG LƯƠNG GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TỪ NGÀY 01/7/2024**

Sau đây là bảng lương, hệ số lương mới nhất của viên chức là giảng viên các trường Đại học, cao đẳng theo quy định mới nhất tính từ ngày 01/7/2024 (áp dụng theo mức lương cơ sở là 2.340.000 đồng/tháng).

**1. Giảng viên đại học, cao đẳng có những chức danh nào**

Theo khoản 2 Điều 54 Luật Giáo dục đại học 2012 (được sửa đổi bởi khoản 29 Điều 1 Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018), giảng viên là người giảng dạy trong các trường cao đẳng, đại học, bao gồm:

- Trợ giảng

- Giảng viên

- Giảng viên chính

- Phó giáo sư

- Giáo sư

**2. Giảng viên được xếp lương như thế nào**

**a. Bảng lương giảng viên đại học, cao đẳng**

Căn cứ Điều 9 Thông tư 35/2020/TT-BGDĐT và Điều 10 Thông tư 40/2020/TT-BGDĐT được sửa đổi bởi Thông tư 04/2022/TT-BGDĐT, lương giảng viên đại học là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập được xếp như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giảng viên | Hệ số | Mức lương từ 01/07/2024 |
| - Cao đẳng sư phạm cao cấp.  - Đại học cao cấp | - Viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1).  - Từ 6,2 - 8,0. | Dao động từ 14.508.000 - 18.720.000 đồng/tháng |
| - Cao đẳng sư phạm chính.  - Đại học chính. | - Viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1).  - Từ 4,4 - 6,78. | Dao động từ 10.296.000 - 15.862.200 đồng/tháng |
| - Cao đẳng sư phạm.  - Giảng viên đại học.  - Trợ giảng. | - Viên chức loại A1.  - Từ 2,34 - 4,98. | Dao động từ 5.475.600 - 11.653.200 đồng/tháng |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhóm ngạch | Bậc 1 | Bậc 2 | Bậc 3 | Bậc 4 | Bậc 5 | Bậc 6 | Bậc 7 | Bậc 8 | Bậc 9 |
| Giảng viên Đại học cao cấp (hạng I) - Viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) | | | | | | | | | |
| Hệ số lương | 6,20 | 6,56 | 6,92 | 7,28 | 7,64 | 8,00 |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức lương theo lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng | 14.508.000 | 15.350.400 | 16.192.000 | 17.035.200 | 17.877.600 | 18.720.000 |  |  |  |
| Giảng viên đại học chính (hạng II) - Viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) | | | | | | | | | |
| Hệ số lương | 4,40 | 4,74 | 5,08 | 5,42 | 5,76 | 6,10 | 6,44 | 6,78 |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức lương theo lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng | 10.296.000 | 11.091.600 | 11.887.200 | 12.682.800 | 13.478.400 | 14.274.000 | 15.069.600 | 15.865.000 |  |
| Giảng viên đại học (hạng III) - Viên chức loại A1 | | | | | | | | | |
| Hệ số lương | 2,34 | 2,67 | 3,00 | 3,33 | 3,66 | 3,99 | 4,32 | 4,65 | 4,98 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Mức lương theo lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng | 5.475.600 | 6.247.800 | 7.020.000 | 7.792.200 | 8.564.400 | 9.336.600 | 10.108.800 | 10.881.000 | 11.653.200 |

Mức lương cơ sở hiện nay, áp dụng từ ngày 01/7/2024 là 2.340.000 đồng/tháng.

Khi được tuyển dụng vào làm viên chức ngành giáo dục, giáo viên sẽ bắt đầu từ bậc 1. Sau một năm thử việc, nếu không bị kỷ luật hoặc không có thành tích đặc biệt xuất sắc thì cứ 3 năm lên một bậc lương. Vì vậy, sau 4 năm công tác thì giáo viên lên lương bậc 2. Như vậy để được hương phụ cấp thâm niên, giáo viên phải từ bậc 2 trở lên.

Nhà giáo đang giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập vẫn giữ ngạch viên chức ngành giáo dục, đào tạo (có 2 chữ số đầu của mã số ngạch là 15) mà chưa được chuyển xếp sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục, đào tạo (mã số V07), chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp (mã số V09) thì vẫn được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo theo quy định nói trên.

**b. Bảng lương đối với giảng viên đại học, cao đẳng là người lao động**

Viên chức là giảng viên giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng công lập, thì được hưởng lương theo các hạng chức danh nghề nghiệp tương ứng với các bảng lương nêu trên (theo hệ số và mức lương cơ sở là 2,34 triệu đồng/tháng).

Còn giảng viên là người lao động ký hợp đồng lao động với các trường Đại học, Cao đẳng công lập, Đại học tư và Đại học quốc tế (giảng viên hợp đồng lao động) thì không áp dụng các bảng lương nêu trên mà thực hiện chế độ lương, thưởng theo thoả thuận với Hiệu trưởng các trường Đại học, Cao đẳng và được ghi cụ thể trong hợp đồng lao động.

Khi đó, mức lương của giảng viên hợp đồng có thể cao hoặc thấp hơn mức lương của giảng viên là viên chức cùng giảng dạy ở một trình độ, nhưng không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng (do Chính phủ quy định) và phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng (do đã qua đào tạo nghề).

**Mức lương tối thiểu theo tháng của giảng viên**

Lương cứng: (hệ số lương + hệ số chức vụ) \* Mức lương cơ bản \* (1 + phụ cấp đứng lớp(25%) + phụ cấp thâm niên) – (hệ số lương + hệ số chức vụ) \* Mức lương cơ bản \* (1+ phụ cấp thâm niên) \* 10.5%

- Hệ số lương tính theo viên chức loại nào ? giảng viên hạng nào ? năm vào làm năm nào

Ví dụ:

1 giảng viên bằng cử nhân ra dạy thì sẽ là giảng viên hạng III, viên chức loại A1 và có hệ số lương là 2.34

1 giảng viên bằng thạc sĩ ra dạy thì sẽ tương tự như ở trên nhưng hệ số lương là 2.67

1 giảng viên bằng tiến sẽ ra dạy thì sẽ tương tự như ở trên nhưng hệ số lương là 3.00

Nếu giảng viên dạy đến max hệ số tức 4.98 thì sẽ được tính hệ số vượt khung hoặc có thể thi thăng hạng

- Hệ số chức vụ tính như nào  
+ ta có thể quy định hệ số ví dụ: Hiệu trưởng 0.5; Phó hiệu trưởng: 0.3; Trưởng Khoa: 0.25,….

- Mức lương cơ bản: 2.340.000

- Phụ cấp đứng lớp: 25%

- Phụ cấp thâm niên: tính từ năm thứ 5 trở đi dạy ở trường ĐH thì sẽ hưởng được phụ cấp thâm niên này và được phụ cấp 5%, cứ thêm 1 năm là lên 6% và cứ thế tăng lên

- 10.5% bao gồm: 8% BHXH; 1.5% BHYT; 1%BHTN

- Ngoài lương cứng ra sẽ có thêm Trợ cấp thêm tính theo chức vụ

Ví dụ: hiệu trưởng được 10tr, phó hiệu trưởng 7tr, trưởng khoa 5tr,….

Mỗi năm mỗi gv sẽ có 300 tiết chuẩn

Dạy hơn 300 tiết thì số tiết dư sẽ được tính bằng số tiết nhân đơn giá tiết

1 tiết lý thuyết được tính tròn là 1 tiết, 1 tiết thực hành được tính là 0.75 tiết

Đơn giá tiết vượt được tính theo bằng cấp của người dạy

Cử nhân: 100k

Thạc sĩ: 140k

Tiến sĩ: 180k

Phó giáo sư: 240k

Giáo sư: 300k